

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

- Bản án số: 18/2018/DS - ST
- Ngày: 07 - 9 - 2018
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản* ".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**.
2. Ông **Nhâm Đức Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Ông **Trang Minh Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2018/TLST- DS, ngày 09 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐST-DS, ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Đức H**, sinh năm: 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh Ph, xã vĩnh Hòa Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trương Văn H**, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Minh T, xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2017 cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Đức H trình bày: Vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 (nhằm ngày 12 tháng 9 năm 2017 âm lịch), ông và ông Trương Văn H có thống nhất mua bán 01 chiếc xáng thổi bùn, với giá là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), ông đưa trước cho ông H 80.000.000đ (Tám mươi triệu

đồng), khi nào lấy xáng về sẽ thanh toán số tiền còn lại, khi mua bán hai bên chỉ mua bán bằng miệng, không có làm hợp đồng, sau đó ông H cũng đã giao chiếc xáng cho ông, tuy nhiên ông chưa đưa đủ tiền cho ông H.

Đến ngày 01 tháng 11 năm 2017 (nhằm ngày 13 tháng 9 năm 2017 âm lịch), do khi đem chiếc xáng về nhà thì chiếc xáng khảm quá, nên ông không đồng ý mua chiếc xáng nữa, do đó ông yêu cầu ông H hủy hợp đồng mua bán và ông H cũng thống nhất hủy hợp đồng và ông H đã đem chiếc xáng về, ông H đồng ý trả lại cho ông số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) nhưng ông H xin trả trong vòng vài tháng.

Nhưng sau khi lấy xáng về từ đó đến nay ông H chỉ trả cho ông được số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), còn lại 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) ông H không chịu trả cho ông, ông có nhiều lần gọi cho ông H để yêu cầu ông H trả tiền nhưng ông H cứ hứa mà không thực hiện. Ông có yêu cầu áp hòa giải và ông Húng yêu cầu được trả mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi dứt nợ do đó cuộc hòa giải không thành. Ông H xác định việc giao dịch mua bán chỉ có ông và ông H nên ông chỉ yêu cầu một mình ông H có trách nhiệm trả cho ông số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Đức H yêu cầu buộc ông Trương Văn H có trách nhiệm trả cho ông số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) mà ông H còn nợ trong thời hạn 03 tháng, ông H không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trương Văn H trình bày: Vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 (nhằm ngày 12 tháng 9 năm 2017 âm lịch), ông và ông Phan Đức H có thống nhất mua bán 01 chiếc xáng thổi bùn, với giá là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), ông H đưa trước cho ông 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), khi nào lấy xáng về sẽ thanh toán số tiền còn lại, khi mua bán hai bên chỉ mua bán bằng miệng, không có làm hợp đồng, sau đó ông cũng đã giao chiếc xáng cho ông H, tuy nhiên ông H chưa đưa đủ tiền cho ông.

Đến ngày 01 tháng 11 năm 2017 (nhằm ngày 13 tháng 9 năm 2017 âm lịch), do khi đem chiếc xáng về nhà thì ông H nói chiếc xáng khảm quá, nên ông H không đồng ý mua chiếc xáng nữa, do đó ông H có yêu cầu ông hủy hợp đồng mua bán và ông cũng thống nhất hủy hợp đồng và sau khi hủy hợp đồng ông đã đem

chiếc xáng về, ông cũng đồng ý trả lại cho ông số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Nhưng do ông đem số tiền mà ông H đưa cho ông đi trả nợ hết nên ông có yêu cầu ông H cho ông trả dần cho đến khi dứt nợ, ông H cũng thống nhất. Nhưng sau khi lấy xáng về do gia đình gặp khó khăn, con ông bệnh nên việc làm ăn không thuận lợi, từ đó cho đến nay ông chỉ trả được cho ông H số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), còn lại 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Ông H xác nhận việc mua bán là chỉ có cá nhân ông mua bán với ông H không liên quan đến vợ ông nên ông đồng ý trả cho ông H một mình ông.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Văn H thừa nhận còn nợ ông Phan Đức H số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), ông H đồng ý trả lại toàn bộ số tiền này cho ông H, nhưng do đang gặp khó khăn nên ông H yêu cầu được trả mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:** Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử oanh Phan Đức H buộc ông Trương Văn H trả cho ông H số tiền nợ hợp đồng mua bán là 60.000.000đ(Sáu mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Đức H** thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn ông Phan Đức H yêu cầu bị đơn ông Trương Văn H trả số tiền nợ mua bán chiếc xáng là: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản*”.

[3] - Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên

tòa hôm nay ông H, ông H đều xác nhận vào cuối năm 2017, ông H có bán cho ông H chiếc xáng giá 160.000.000đ, ông H đưa trước cho ông H 80.000.000đ. Sau khi nhận Xáng về thì hai bên thống nhất hủy hợp đồng mua bán trên, ông H trả lại chiếc xáng cho ông H và ông H cũng đồng ý trả lại số tiền 80.000.000đ cho ông H. Sau đó ông H đã trả được cho ông Hưng được 20.000.000đ còn lại 60.000.000đ đến nay chưa thanh toán. Nay ông H thừa nhận còn nợ ông H số tiền 60.000.000đ và xin được trả dần cho ông H mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi dứt nợ nhưng ông H không thống nhất với phương án trả nợ của ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu trên của ông Trương Văn H là không có cơ sở chấp nhận vì thực tế giao dịch giữa nguyên đơn ông Phan Đức H với bị đơn ông Trương Văn H hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật; ông Trương Văn H cũng thừa nhận hiện tại còn thiếu số tiền là số tiền là 60.000.000đ nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được số tiền trên cho ông Phan Đức H mà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng như thế sẽ kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Mặt khác, tại phiên tòa ông Phan Đức H cũng không đồng ý cho ông Trương Văn H trả dần số tiền trên.

Từ những căn cứ trên trong thỏa luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đức H buộc bị đơn ông Trương Văn H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phan Đức H số tiền 60.000.000 đồng, ông H không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét ý kiến phát biểu và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận nên HĐXX ghi nhận.

[5] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn ông Trương Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể số tiền tranh chấp: 60.000.000 đồng x 5%= 3.000.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Phan Đức H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.5000.000 đồng theo biên lai thu tiền số : 0006548, ngày 09/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, 430, 440, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đức H về việc yêu cầu ông Trương Văn H trả tiền nợ mua bán.

2 - Buộc bị đơn ông Trương Văn H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phan Đức H số tiền 60.000.000 đồng(sáu mươi triệu đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông Hưng không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3 - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn ông Trương Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể số tiền tranh chấp: $60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Phan Đức H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.5000.000 đồng theo biên lai thu tiền số : 0006548, ngày 09/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

4 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- *TAND Tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS Huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách